

-아/어지다

trở nên — sự thay đổi trạng thái

Biến một tính từ thành một sự thay đổi. Nếu tính từ mô tả sự vật như thế nào, thì dạng này mô tả sự vật trở nên như thế — và nó được viết liền thành một từ.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Nguyên âm cuối ㅏ hoặc ㅑ	-아지다	좋다 → 좋아지다
Nguyên âm khác	-어지다	예쁘다 → 예뻐지다
Tính từ 하다	해지다	건강하다 → 건강해지다
Gộp âm	như -아요/어요	크다 → 커지다
Viết cách	một từ	좋아지다 — không phải 좋아 지다
Động từ dùng	-게 되다	가게 되다

Khi nào dùng

Nguyên âm theo quy tắc của -아요/어요 với các hiện tượng gộp âm thông thường: 좋아지다, 예뻐지다, 커지다. Tính từ có 하다 thành 해지다: 건강해지다, 조용해지다.

Chú ý chính tả: 지다 dính liền với tính từ và viết không có dấu cách. 좋아 지다 là sai.

Sự thay đổi thường diễn ra dần dần, nên đây là cách tự nhiên để nói về thời tiết, sức khỏe, kỹ năng và cảm xúc thay đổi theo thời gian: 날씨가 따뜻해졌어요.

Khi gắn vào một số động từ nhất định, nó tạo ra nghĩa gần với bị động: 만들어지다 (được làm ra), 켜지다 (được bật lên), 알려지다 (được biết đến). Đây là một nhóm từ vựng nhỏ chứ không phải quy tắc chung — bạn học từng từ một.

Ví dụ trong câu

- 1

요즘 날씨가 따뜻해졌어요.
Dạo này trời đã ấm lên.
- 2

운동을 시작하고 건강해졌어요.
Từ khi tập thể dục, tôi đã khỏe hơn.
- 3

한국어 실력이 많이 좋아졌어요.
Tiếng Hàn của tôi đã tiến bộ nhiều.
- 4

저녁이 되니까 조용해졌어요.
Trời tối thì mọi thứ trở nên yên tĩnh.
- 5

이 빵은 매일 아침에 만들어져요.
Bánh mì này được làm mỗi sáng.
- 6

시간이 지나면 괜찮아질 거예요.
Theo thời gian sẽ tốt lên thôi.

So sánh với

-게 되다

Hai dạng này chia theo từ loại: tính từ dùng -아/어지다, động từ dùng -게 되다. Cả hai đều diễn tả sự thay đổi, nhưng không thay thế cho nhau được.

추워졌어요. (trời đã lạnh hơn) / 가게 됐어요. (hóa ra tôi sẽ đi)

Tính từ nguyên dạng

Tính từ nêu một trạng thái; -아/어지다 nêu sự chuyển sang trạng thái đó. Chọn dạng nguyên sẽ mất đi ý thay đổi theo thời gian.

날씨가 따뜻해요. (trời ấm) / 날씨가 따뜻해졌어요. (trời đã ấm lên)

되다

되다 đứng một mình gắn với danh từ: 의사가 되다. -아/어지다 gắn với tính từ. Chữ “trở nên/trở thành” trong tiếng Việt bao quát cả hai.

의사가 됐어요. (đã trở thành bác sĩ) / 유명해졌어요. (đã trở nên nổi tiếng)

Lưu ý

- ✗

한국어 실력이 좋아 졌어요.
- 한국어 실력이 좋아졌어요.

지다 gắn trực tiếp và viết liền thành một từ. Dấu cách ở đây là lỗi chính tả phổ biến.
- ✗

운동해서 건강하어졌어요.
- 운동해서 건강해졌어요.

Tính từ kết thúc bằng 하다 thành 해지다, theo cùng quy tắc như 해요.
- ✗

한국에서 일해지게 됐어요.
- 한국에서 일하게 됐어요.

일하다 là động từ, nên chỉ dùng -게 되다. Đừng chồng hai cấu trúc chỉ sự thay đổi lên nhau.